

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 337/2024/HC-PT

Ngày: 16 - 9 - 2024

V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính
và hành vi hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường
bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 176/2024/TLPT-HC ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính và bước thực hiện hành vi hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1796/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Minh M, sinh năm: 1950; địa chỉ: thôn A, xã L, TP., tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: bà Bùi Thị X - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1- Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hồ Tân C - Phó giám đốc Sở T1-XH tỉnh; địa chỉ: Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.2- Giám đốc **Bảo hiểm Xã hội tỉnh Quảng Bình**.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Trần Anh T** - Chức vụ: Phó giám đốc; địa chỉ: **B tỉnh Quảng Bình**, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.3. Giám đốc **Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Bình**.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Hà Quốc P** - Phó giám đốc Sở; địa chỉ: **Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Bình**, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông **Nguyễn Minh M**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Nội dung vụ án được tóm tắt theo trình bày của đương sự:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18/9/2023, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 13/10/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện ông Nguyễn Minh M trình bày:

Tại Bản án số 229/2019/HC-PT ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định ở mục 2: “*Sở Văn hoá - Thể thao, Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Bình cam kết lập hồ sơ, xác nhận, giải quyết chế độ BHXH (cấp sổ hưu) cho ông Nguyễn Minh M với thời gian đóng BHXH 20 năm đảm bảo thời gian công tác có đóng BHXH để được giải quyết chế độ BHXH theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 54 Luật BHXH 2014, thời điểm bắt đầu công tác là tháng 10/1972, thời điểm nghỉ công tác là ngày 03/10/1997*” (25 năm). Tuy nhiên, tại Quyết định số 00000030510 ngày 10/8/2021 của **BHXH tỉnh Quảng Bình** chỉ chi trả lương hưu cho ông **M** kể từ ngày 01/7/2021. Sở LĐTBXH và BHXH tỉnh bỏ qua thời điểm tháng 5/2010 ông đủ tuổi 60, theo quy định tại Điều 59 Luật Bảo hiểm xã Hội (thời điểm hưởng lương hưu), làm trái mục 2 Quyết định của bản án có hiệu lực, ở điểm a khoản 1 Điều 54 Luật BHXH (Điều kiện hưởng lương hưu); làm trái Điều 116 Luật BHXH 2014 và làm trái mục 1 Công văn hướng dẫn số 3595 của **Bộ L**. Ông **M** khiếu nại đề nghị xem xét lại mức lương để tính hưởng chế độ hưu trí; yêu cầu ghi rõ chi tiết trong sổ BHXH là thời gian công tác từ tháng 10/1972 đến tháng 10/1997 là 25 năm công tác và tính 25 năm 01 tháng làm căn cứ tính tỷ lệ hưởng lương hưu; đề nghị được hưởng lương hưu từ tháng 06/2010 và truy lĩnh 11 năm từ tháng 6/2010 đến 6/2021 (thời điểm đủ 60 tuổi) chưa hưởng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 54 và khoản 1 Điều 59 của Luật BHXH.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2149/BHXH ngày 22/11/2021 của **Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình** và Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 6841/QĐ- SLĐTBXH ngày 29/9/2022 đều không chấp nhận khiếu

nại của ông **M**, giữ nguyên nội dung của Quyết định số 00000030510/QĐ-BHXH ngày 10/8/2021 của Giám đốc **Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình**. Do đó, ông **M** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 6841/QB-SLĐTBXH ngày 29/9/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 và các văn bản trả lời số 2014/SLĐTBXH-VH ngày 22/12/2022, số 1155/SLĐTBXH ngày 28/7/2023 của **Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Bình**.

Hủy Quyết định số 2149/QĐ-BHXH ngày 22/11/2021, về giải quyết khiếu nại lần đầu và văn bản trả lời số 2109/BHXH-TTKT ngày 14/9/2023, số 2734/BHXH-TTKT ngày 22/11/2023 và sửa Quyết định số 00000030510 ngày 10/8/2021 của **BHXH tỉnh Quảng Bình**.

Hủy văn bản số 1746/SVHTT-VP ngày 25/9/2023 của **Sở Văn hóa - Thể thao tỉnh Quảng Bình**.

Buộc **Sở L** và **Bảo hiểm Xã hội tỉnh** thực hiện Điều 54, Điều 59, Điều 116 Luật BHXH 2015 và mục 1 Công văn hướng dẫn số 3595/LĐTBXH-BHXH ngày 18/9/2020 của **Bộ L** giải quyết chi trả truy lĩnh tiền lương hưu của ông **M** từ 5/2010 đến 6/2021 là 133 tháng x 2.420.000 đồng/tháng (mức lương hưu của ông thực tế hiện nay được nhận) = 321.860.000 đồng.

*- Tại văn bản số 2246/SL ĐTBXH-TTr ngày 11/12/2023 và quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Giám đốc **Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Bình** có ý kiến trình bày:*

Theo Bản án số 229/2019/HC-PT ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thì “*Thời gian đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) của ông **Nguyễn Minh M** là 20 năm, thời điểm bắt đầu công tác là tháng 10 năm 1972, thời điểm nghỉ công tác là ngày 03/10/1997*”. Sau khi nhận được bản án có hiệu lực pháp luật; ngày 15/7/2021 **BHXH tỉnh Quảng Bình** đã chủ trì mời đại diện Lãnh đạo **Sở L**, **Sở Văn hóa và Thể thao** họp để thống nhất giải quyết chế độ hưu cho ông **Nguyễn Minh M**, kết quả: Thống nhất xem xét, giải quyết việc tính thời gian công tác đối với người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trong khu vực nhà nước trước năm 1995, vì sau ngày 01 tháng 01 năm 1995 hồ sơ của ông **Nguyễn Minh M** không thể hiện tiền lương làm căn cứ đóng BHXH, tỷ lệ đóng BHXH (không còn hồ sơ gốc). Sau kết quả thống nhất của 03 cơ quan liên quan tại cuộc họp. **BHXH tỉnh Quảng Bình** đã cấp sổ BHXH cho ông **M** ngay trong tháng 7/2021. Ngày 05/8/2021, ông **Nguyễn Minh M** lập hồ sơ đề nghị hưởng chế độ hưu trí.

Căn cứ Nghị định 89/2020/NĐ-CP ngày 04/8/2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của **B**; hướng dẫn của **Bộ L1**

tại Công văn số 3595/LĐTBXH ngày 18/9/2020 và hướng dẫn của B tại Công văn số 3524/BHXXH-TST ngày 09/11/2020 về việc tính thời gian công tác đối với người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trước ngày 01/01/1995, BHXXH tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 00000030510/QĐ-BHXXH ngày 10/8/2021 về việc giải quyết hưởng chế độ hưu trí đối với ông Nguyễn Minh M, thời điểm hưởng từ ngày 01/7/2021 (thời điểm các cơ quan có liên quan thẩm định hồ sơ).

Trong thời gian qua, ông Nguyễn Minh M không đồng tình và có đơn khiếu nại, BHXXH tỉnh Quảng Bình đã giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 2149/QĐ-BHXXH ngày 22/11/2021. Sở L đã giải quyết khiếu nại lần 2 tại Quyết định số 6841/QĐ-SLĐTBXH ngày 29/9/2022. Kết quả giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại lần 1. Đồng thời, Sở L có văn bản hỏi B về việc xác định thời điểm hưởng chế độ hưu của ông Nguyễn Minh M. Ngày 13/3/2023, B có Công văn số 664/BHXXH-CSXH trả lời: “Với hiện trạng hồ sơ làm căn cứ giải quyết chế độ hưu trí đối với ông Nguyễn Minh M như trên, BHXXH tỉnh Quảng Bình giải quyết chế độ hưu trí cho ông Nguyễn Minh M từ ngày 01/7/2021 là đúng quy định”.

Ngày 06/10/2023 Sở L đã chủ trì tổ chức buổi đối thoại để xử lý dứt điểm các nội dung kiến nghị của ông Nguyễn Minh M. Tham dự buổi đối thoại có đại diện Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Văn hóa và Thể thao, Bảo hiểm xã hội (BHXXH) tỉnh. Tại buổi đối thoại, mặc dù đã được đại diện các cơ quan, ban, ngành hướng dẫn, trả lời cụ thể nhưng ông Nguyễn Minh M vẫn chưa đồng tình với kết quả giải quyết khiếu nại của Sở L và ý kiến của đại diện các cơ quan, ban, ngành, tiếp tục đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan phải giải quyết chế độ hưu trí kể từ thời điểm ông M đủ 60 tuổi (từ tháng 05 năm 2010).

- *Tại văn bản số 2734/BHXXH-TTKT ngày 22/11/2023 người bị kiện Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình có ý kiến trình bày:*

Mục đích khởi kiện của ông Nguyễn Minh M là được truy lĩnh lương hưu từ thời điểm tháng 05/2010 (thời điểm đủ 60 tuổi). Tuy nhiên, yêu cầu của ông Nguyễn Minh M1 là không có căn cứ. Vì vậy, BHXXH tỉnh Quảng Bình giải quyết hưởng lương hưu thời điểm từ tháng 7/2021 căn cứ vào các quy định của pháp luật về BHXXH và các văn bản hướng liên quan, cụ thể:

Phán quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, tại Bản án số 229/2019/HC-PT ngày 20/11/2019 không ghi thời điểm ông Nguyễn Minh M được hưởng lương hưu. Trong đó chỉ phán quyết giải quyết lương hưu cho ông M theo điểm a khoản 1 Điều 54 Luật BHXXH năm 2014, đây là điều kiện cần để được

hưởng lương hưu, không nhất thiết khi nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi đều được nghỉ hưởng lương hưu.

Thời điểm hưởng lương hưu được quy định tại khoản 4 Điều 59 Luật BHXH năm 2014, trong đó quy định rõ “*Bộ trưởng Bộ L1 - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về thời điểm hưởng lương hưu đối với người lao động quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật này*”.

Trường hợp ông Nguyễn Minh M không còn hồ sơ gốc thể hiện quá trình công tác trước năm 1995 theo quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc. Vì vậy, thời điểm hưởng lương hưu được quy định tại khoản 5 Điều 18 Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ LĐTBXH Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc, trong đó đã ghi rõ: “*Thời điểm hưởng lương hưu đối với trường hợp không còn hồ sơ gốc quy định tại khoản 7 Điều 23 của Nghị định số 115/2015/NĐ-CP là thời điểm ghi trong văn bản giải quyết của Bộ L1*”.

Ngày 04/8/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 89/2020/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức BHXH Việt Nam, theo đó B có chức năng và nhiệm vụ “*Xem xét, giải quyết việc tính thời gian công tác đối với người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trong khu vực nhà nước trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 theo hướng dẫn của Bộ L*”. Thực hiện Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04/8/2020 của Chính phủ, Bộ L đã ban hành Công văn số 3595/LĐTBXH-BHXH ngày 18/9/2020 hướng dẫn tính thời gian công tác đối với người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trước ngày 01/01/1995 trong đó tại khoản 4 Mục I đã ghi rõ “*Việc tính thời gian công tác trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 để hưởng bảo hiểm xã hội đối với người không còn hồ sơ gốc được thực hiện kể từ ngày B1 có văn bản đồng ý*”. Theo hướng dẫn của Công văn số 3595/LĐTBXH-BHXH ngày 18/9/2020 của Bộ L, ngày 09/11/2020 B đã ban hành Công văn số 3524/BHXH-TST về việc tính thời gian đối với người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trước ngày 01/01/1995, theo đó phân cấp cho BHXH tỉnh trực tiếp thẩm định hồ sơ để tính thời gian công tác trước ngày 01/01/1995 để hưởng BHXH đối với người lao động không còn hồ sơ gốc. Như vậy, từ ngày 20/9/2020 trở đi đối với người không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trước ngày 01/01/1995 B giao BHXH tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện thẩm định hồ sơ và xác lập thời điểm hưởng lương hưu theo quy định tại khoản 4 Mục I Công văn số 3595/LĐTBXHBHXH ngày 18/9/2020 của Bộ L.

Ngày 15/7/2021 BHXH tỉnh chủ trì mời đại diện lãnh đạo Sở LĐTBXH và Sở VHTT tỉnh (đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý lao động) đã họp để thẩm định

thời gian công tác tính hưởng BHXH làm căn cứ cấp sổ BHXH cho ông Nguyễn Minh M. Sau khi thống nhất với các ngành, BHXH tỉnh Quảng Bình đã cấp sổ BHXH trong tháng 7/2021. Ngày 05/08/2021, ông Nguyễn Minh M đã lập Đơn mẫu 14-HSB gửi cơ quan BHXH tỉnh yêu cầu giải quyết hưởng chế độ hưu trí. Sau khi nhận hồ sơ, cơ quan BHXH đã giải quyết chế độ hưu cho ông Nguyễn Minh M từ tháng 7/2021 là kịp thời và đúng quy định của các văn bản pháp luật về BHXH đã nêu trên.

Việc tính thời gian công tác trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 để hưởng bảo hiểm xã hội đối với người không còn hồ sơ gốc của ông Nguyễn Minh M BHXH tỉnh luôn tuân thủ các quy định pháp luật về BHXH cũng như các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, đảm bảo quyền lợi người tham gia BHXH đồng thời đúng luật pháp. Thời điểm hưởng lương hưu (tháng 7/2021) của ông Nguyễn Minh M đã được Bộ L trả lời tại Công văn số 3618/LĐTBOXH-BHXH ngày 19/9/2022; Công văn số 664/BHXH-CSXH ngày 15/3/2023 của B trả lời BHXH tỉnh Quảng Bình giải quyết đúng quy định, đúng thẩm quyền.

Từ những căn cứ nêu trên, việc ông Nguyễn Minh M khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Văn bản số 2109/BHXH-TTKT ngày 14/9/2023, hủy Quyết định số 2149/QĐ-BHXH ngày 22/11/2021 và sửa Quyết định số 00000030510/QĐBHXH ngày 10/8/2021 của Giám đốc BHXH tỉnh Quảng Bình là không có căn cứ.

- Tại văn bản số 210/SVHTT-VP ngày 29/11/2023 và quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Bình có ý kiến trình bày:

Về việc ông Nguyễn Minh M yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình hủy bỏ văn bản trả lời số 1746/SVHTT-VP ngày 25/9/2023 của Sở Văn hóa và Thể thao là không đúng, vì lý do sau: Công văn số 1746/SVHTT-VP ngày 25/9/2023 của Sở Văn hóa và Thể thao là văn bản có nội dung trả lời đơn đề nghị của công dân, không phải là quyết định hành chính theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Đối với yêu cầu “Buộc Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội và Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện hành vi hành chính giải quyết trả tiền chế độ hưu...”. Sau khi Bản án số 229/2019/HC-PT ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng có hiệu lực pháp luật, ngày 03/02/2021, Sở Văn hóa và Thể thao ban hành Công văn số 102/SVHTT-TCPC gửi Sở L về việc thực hiện Bản án số 229/2019/HC-PT ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng và xác nhận “*quá trình công tác là 20 năm có đóng bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Minh M, thời điểm bắt đầu công tác là tháng 10/1972, thời điểm nghỉ công tác là ngày 03/10/1997*”.

Tháng 7/2021, **Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình** đã cấp sổ BHXH cho ông **Nguyễn Minh M** và ban hành Quyết định số 00000030510/QĐ-BHXH ngày 10/8/2021 về việc giải quyết hưởng chế độ hưu trí đối với ông **Nguyễn Minh M**, thời điểm hưởng từ ngày 01/7/2021. Đến thời điểm trên, Sở Văn hóa và Thể thao đã hoàn thành trách nhiệm trong việc xác nhận về thời gian công tác theo Bản án số 229/2019/HC-PT ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Ngoài ra, quá trình làm việc, đối thoại nhiều lần tiếp công dân, tiếp xúc cử tri Sở Văn hóa và Thể thao cũng đã có ý kiến đề nghị các cơ quan có liên quan xem xét, giải quyết chế độ hưu trí cho ông **M** theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông **M**. Do đó, Sở Văn hóa và Thể thao đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ của mình, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **M** đối với Sở Văn hóa và Thể thao.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng ông Hoàng Văn D trình bày:* Thời điểm năm 2010, tôi làm cán bộ tại bộ phận một cửa của **BHXH tỉnh Quảng Bình**, có nhận tài liệu, hồ sơ yêu cầu hưởng chế độ BHXH của ông **M** nộp để làm thủ tục hưởng chế độ BHXH, nhưng vì thời gian đã lâu nên không nhớ cụ thể đã nhận những tài liệu gì, bản gốc hay bản sao. Tuy nhiên, sau khi nhận tài liệu, hồ sơ thì bộ phận một cửa đã chuyển toàn bộ tài liệu, hồ sơ cho bộ phận nghiệp vụ giải quyết. Trong quá trình xét duyệt hồ sơ nếu đủ tài liệu và điều kiện thì được xét duyệt lập hồ sơ để xét cho hưởng chế độ BHXH, nếu chưa đủ tài liệu, hồ sơ sẽ làm công văn yêu cầu bổ sung tài liệu, hồ sơ. Sau đó, xét duyệt không đủ điều kiện cho hưởng chế độ BHXH thì sẽ trả lại tài liệu, hồ sơ cho người nộp và có phiếu trả lại tài liệu, hồ sơ. Trường hợp ông **Nguyễn Minh M** không được xét duyệt, nên đã được trả lại toàn bộ hồ sơ.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính; các Điều 20, 28, 29, 30, 31, 33, 37, 40, 42 Luật khiếu nại năm 2011; điểm a khoản 1 Điều 54, khoản 4 Điều 59, điểm a khoản 1 Điều 108 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 và Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04/8/2020 của Chính phủ; Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của **Bộ N** và Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của **Bộ L**; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Minh M**, về yêu cầu hủy Quyết định số 6841/QB-SLĐTBXH ngày 29/9/2022 về việc giải quyết khiếu nại

lần 2 của Giám đốc **Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Bình**; hủy Quyết định số 2149/QĐ-BHXH ngày 22/11/2021 về giải quyết khiếu nại lần đầu; sửa Quyết định số 00000030510 ngày 10/8/2021 của Giám đốc **BHXH tỉnh Quảng Bình** và buộc Sở Văn hoá - Thể thao; **Sở L**; **Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình** giải quyết chi trả truy lĩnh tiền lương hưu của ông **M** từ 5/2010 đến 6/2021.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm cho ông **Nguyễn Minh M**.

[3] Kháng cáo:

Ngày 12-5-2024 ông **Nguyễn Minh M** kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm. Lý do kháng cáo là ông đã công tác 25 năm chỉ xác nhận đóng bảo hiểm có 20 năm là đã thiết thời cho ông **M** 05 năm; nhưng đương nhiên ông **M** đủ điều kiện hưởng lương hưu ở thời điểm ông đủ 60 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 59 luật Bảo hiểm xã hội. Thời điểm ông **M** đủ 60 tuổi là tháng 5/2010 thì ông **M** được hưởng truy lĩnh lương hưu từ 5/2010 đến 6/2021. Bảo hiểm xã hội quyết định cho ông **M** hưởng lương hưu từ 7/2021 là không đúng.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo; người kháng cáo và người bảo vệ quyền lợi cho người kháng cáo cùng trình bày mục đích của người khởi kiện là được nhận lương từ thời điểm 5/2010 chứ không phải nhận từ tháng 7/2021, đồng thời nêu một số ý kiến cho rằng Hồ sơ gốc do cơ quan quản lý sử dụng cán bộ chịu trách nhiệm, thời điểm nghỉ hưu phải là lúc người lao động đủ 60 tuổi là tháng 5/2010, nhưng lại nhận lương hưu 7/2021 là không hợp lý. Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của ông **Nguyễn Minh M**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ hai và thủ tục đã đảm bảo để xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền và đối tượng khởi kiện: ông **Nguyễn Minh M** khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 6841/QĐ-SLĐTBXH ngày 29/9/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của Giám đốc **Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Bình**; hủy Quyết định số 2149/QĐ-BHXH ngày 22/11/2021 về giải quyết

khiếu nại lần đầu và sửa Quyết định số 00000030510 ngày 10/8/2021 của **BHXX tỉnh Quảng Bình** và buộc giải quyết chi trả truy lĩnh tiền lương hưu của ông **M** từ 5/2010 đến 6/2021. Đây là các Quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, theo quy định tại các Điều 3, 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính.

Ngày 29/9/2022, **Sở LĐTB&XH tỉnh Quảng Bình** ban hành Quyết định số 6841/QĐ-SLĐTBXH, về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với khiếu nại của ông **M**. Ngày 18/9/2023 ông **Nguyễn Minh M** làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình yêu cầu hủy và sửa các Quyết định trên và buộc giải quyết chi trả truy lĩnh tiền lương hưu của ông **M** từ 5/2010 đến 6/2021 là chưa quá thời hạn 01 năm, nên còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xem xét tính hợp lý và có căn cứ của các Quyết định số 6841/QĐ-SLĐTBXH ngày 29/9/2022 của Giám đốc **Sở L**; Quyết định số 2149/QĐ-BHXX ngày 22/11/2021 và Quyết định số 00000030510 ngày 10/8/2021 của Giám đốc **BHXX tỉnh Quảng Bình**:

Tại Bản án số 229/2019/HC-PT ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định. “*Sở Văn hoá và Thể thao tỉnh Quảng Bình, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Bình cam kết sẽ lập hồ sơ xác nhận, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình trình Bộ L1 giải quyết chế độ BHXH (cấp Sổ hưu) cho ông M với thời gian đóng bảo hiểm 20 năm (bảo đảm thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội để được giải quyết chế độ BHXH theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 54 Luật bảo hiểm xã hội 2014), thời điểm bắt đầu công tác là tháng 10/1972, thời điểm nghỉ công tác là ngày 03/10/1997*”. Trên cơ sở bản án có hiệu lực của Tòa án, ngày 10/8/2021, **BHXX tỉnh Quảng Bình** đã ban hành Quyết định số 00000030510/QĐ-BHXX về việc giải quyết hưởng chế độ hưu trí đối với ông **Nguyễn Minh M**, thời điểm hưởng từ ngày 01/7/2021.

Tại biên bản làm việc ngày 15/7/2021 của **BHXX tỉnh Quảng Bình** về việc thẩm định thời gian công tác đối với ông **Nguyễn Minh M** đã xác định: “*Lý do không còn hồ sơ gốc của người lao động là do đơn vị giải thể, thất lạc hồ sơ, do lụt bão*”. Lý lịch cán bộ của ông **M** là bản lập lại năm 1990 do bản trước thất lạc, không có thông tin diễn biến rõ ràng về tiền lương của quá trình công tác, không thể hiện quá trình đóng Bảo hiểm xã hội đến khi nghỉ, nên không phải hồ sơ gốc

theo quy định tại Điều 108 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Cụ thể điểm a khoản 1 Điều 108 quy định “*Sổ Bảo hiểm xã hội*” và Điều 4 Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ N về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức quy định cụ thể khoản 1 quy định “*Hồ sơ công chức là tài liệu pháp lý phản ánh các thông tin cơ bản nhất về công chức, bao gồm: nguồn gốc xuất thân, quá trình học tập, quá trình công tác, hoàn cảnh kinh tế, phẩm chất, trình độ, năng lực, các mối quan hệ gia đình và xã hội của công chức, thể hiện ở sơ yếu lý lịch, văn bằng, chứng chỉ, và các văn bản tài liệu có liên quan khác, được cập nhật trong quá trình công tác của công chức kể từ khi được tuyển dụng*” và khoản 2 quy định “*Hồ sơ gốc của công chức: là hồ sơ công chức do cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức lập và xác nhận lần đầu khi công chức được tuyển dụng theo quy định của pháp luật*”. Do đó, trường hợp của ông Nguyễn Minh M không còn hồ gốc thể hiện quá trình công tác trước năm 1995 theo quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 59 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về thời điểm hưởng lương hưu “*Bộ trưởng Bộ L1 - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về thời điểm hưởng lương hưu đối với người lao động quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật này*”.

Đồng thời, thời điểm hưởng lương hưu được quy định tại khoản 5 Điều 18 Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ L, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc, quy định: “*Thời điểm hưởng lương hưu đối với trường hợp không còn hồ sơ gốc quy định tại khoản 7 Điều 23 của Nghị định số 115/2015/NĐ-CP là thời điểm ghi trong văn bản giải quyết của Bộ L1*”. Ngoài ra, ngày 04/8/2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 89/2020/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức BHXH Việt Nam, theo đó B có chức năng và nhiệm vụ “*Xem xét, giải quyết việc tính thời gian công tác đối với người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trong khu vực nhà nước trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 theo hướng dẫn của Bộ L*”. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ L1 tại Công văn số 3595/LĐTBXH-BHXH ngày 18/9/2020 hướng dẫn tính thời gian công tác đối với người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trước ngày 01/01/1995, trong đó tại khoản 4 Mục I đã ghi rõ “*Việc tính thời gian công tác trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 để hưởng Bảo hiểm xã hội đối với người không còn hồ sơ gốc được thực hiện kể từ ngày B1 có văn bản đồng ý*” và theo hướng dẫn của B1 tại Công văn số 3524/BHXH-TST ngày 09/11/2020 về việc tính thời gian đối với người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm

việc trước ngày 01/01/1995, theo đó phân cấp cho BHXH tỉnh trực tiếp thẩm định hồ sơ để tính thời gian công tác trước ngày 01/01/1995 để hưởng BHXH đối với người lao động không còn hồ sơ gốc.

Căn cứ vào các quy định trên, ngày 15/7/2021, BHXH tỉnh chủ trì mời đại diện lãnh đạo Sở LĐTBXH và Sở VH TT tỉnh (đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý lao động) họp để thẩm định thời gian công tác tính hưởng BHXH làm căn cứ cấp sổ BHXH cho ông Nguyễn Minh M. Văn bản giải quyết của Bộ L1. Ngày 05/08/2021 ông Nguyễn Minh M đã lập Đơn theo mẫu 14-HSB gửi cơ quan BHXH tỉnh yêu cầu giải quyết hưởng chế độ hưu trí. Sau khi nhận hồ sơ, cơ quan BHXH đã ban hành Quyết định số 00000030510 ngày 10/8/2021 về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng đối với ông Nguyễn Minh M, thời gian được hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/7/2021 là có căn, phù hợp với quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và các Văn bản hướng dẫn pháp luật liên quan. Do đó, khi ông M khiếu nại thì các Cơ quan giải quyết không chấp nhận khiếu nại là có cơ sở; bản án hành chính sơ thẩm nhận định và quyết định hợp lý.

[3] Xem xét đối với yêu cầu buộc giải quyết chi trả truy lĩnh tiền lương hưu của ông M từ 5/2010 đến 6/2021:

Giám đốc BHXH tỉnh Quảng Bình ban hành các Quyết định số 00000030510 ngày 10/8/2021 về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng đối với ông Nguyễn Minh M, Quyết định số 2149/QĐ-BHXH ngày 22/11/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 6841/QB-SLĐTBXH ngày 29/9/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với khiếu nại của ông Nguyễn Minh M là đảm bảo về thẩm quyền, thời hạn, trình tự thủ tục, căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở để buộc BHXH tỉnh Quảng Bình chi trả truy lĩnh tiền lương hưu của ông M từ 5/2010 đến 6/2021 theo yêu cầu.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy bản án sơ thẩm đã xem xét, nhận định và quyết định bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện là có căn cứ pháp luật. Kháng cáo của ông Nguyễn Minh M không có cơ sở chấp nhận, nên bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Ông M là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính; Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Minh M, giữ nguyên quyết định của

Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm ông **Nguyễn Minh M** được miễn nộp.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao- Vụ III;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long